

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC  
THỦY LỢI MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 21
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

TR  
KIẾ  
T

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### CÔNG TY

Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Miền Nam (Tên gọi cũ là Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo Quyết định 71/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/01/2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3900242984 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên của công ty trong năm và vào ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQTV
Ông Trần Văn Giáp	Thành viên
Ông Trần Quang Hùng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tự Do	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM SOÁT VIÊN VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Võ Thị Sửu	Kiểm soát viên
Bà Trần Thị Kim Quý	Phụ trách kế toán

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**Trần Quang Hùng**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Số: 870a.1/2026/BCKiT-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam được lập ngày 08 tháng 05 năm 2026, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán số 870a/2026/BCKiT-TC ngày 27 tháng 03 năm 2026 do điều chỉnh một số chỉ tiêu như sau:

		Số điều chỉnh	Số đã phát hành	Chênh lệch
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>TÀI SẢN</b>				
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	213.639.573.750	213.664.384.185	(24.810.435)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	708.897.577	733.708.012	(24.810.435)
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	708.897.577	733.708.012	(24.810.435)
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>8.540.416.308.459</b>	<b>8.540.441.118.894</b>	<b>(24.810.435)</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>				
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>158.853.137.510</b>	<b>151.696.233.362</b>	<b>7.156.904.148</b>
310	I. Nợ ngắn hạn	158.853.137.510	151.696.233.362	7.156.904.148
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.674.316.526	2.431.916.363	242.400.163
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	53.424.117.533	46.509.613.548	6.914.503.985
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>8.381.563.170.949</b>	<b>8.388.744.885.532</b>	<b>(7.181.714.583)</b>
410	I. <b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.381.563.170.949</b>	<b>8.388.744.885.532</b>	<b>(7.181.714.583)</b>
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.954.763.485	11.136.478.068	(7.181.714.583)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	3.954.763.485	11.136.478.068	(7.181.714.583)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>8.540.416.308.459</b>	<b>8.540.441.118.894</b>	<b>(24.810.435)</b>

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.074.662.741	177.837.851.491	1.236.811.250
10	3. <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>179.074.662.741</b>	<b>177.837.851.491</b>	<b>1.236.811.250</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	150.376.024.419	150.351.213.984	24.810.435
20	5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>28.698.638.322</b>	<b>27.486.637.507</b>	<b>1.212.000.815</b>
30	10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10.122.374.029</b>	<b>8.910.373.214</b>	<b>1.212.000.815</b>
50	14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.214.275.869</b>	<b>9.002.275.054</b>	<b>1.212.000.815</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.062.960.634	1.820.560.471	242.400.163
60	17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.151.315.235</b>	<b>7.181.714.583</b>	<b>969.600.652</b>

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01	1. Lợi nhuận trước thuế	10.214.275.869	9.002.275.054	1.212.000.815
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	14.838.631.931	13.626.631.116	1.212.000.815
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	47.762.347.612	47.737.537.177	24.810.435
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12.881.425.802	7.647.999.052	5.233.426.750
16	16. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	8.500.000.000	14.970.238.000	(6.470.238.000)



**Mai Việt Thăng**  
 Giám đốc  
 Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3421-2025-176-1  
 Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ASEAN**  
 Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2026

**Thái Văn Toàn**  
 Kiểm toán viên  
 Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2534-2026-176-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>213.639.573.750</b>	<b>202.556.397.542</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>198.653.052.742</b>	<b>139.730.410.025</b>
111	1. Tiền		198.653.052.742	139.730.410.025
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>13.330.576.740</b>	<b>61.179.922.841</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	12.667.076.954	18.797.010.571
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		87.123.738	1.836.611.738
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	576.112.548	40.546.037.032
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		263.500	263.500
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>947.046.691</b>	<b>1.024.165.588</b>
141	1. Hàng tồn kho		947.046.691	1.024.165.588
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>708.897.577</b>	<b>621.899.088</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		708.897.577	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	-	621.899.088
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.326.776.734.709</b>	<b>8.332.285.056.469</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>89.121.493</b>	<b>89.121.493</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	89.121.493	89.121.493
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.326.687.613.216</b>	<b>8.332.195.934.976</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	8.325.948.087.216	8.331.456.408.976
222	- Nguyên giá		8.385.939.409.543	8.385.695.149.304
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.991.322.327)	(54.238.740.328)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	739.526.000	739.526.000
228	- Nguyên giá		739.526.000	739.526.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.540.416.308.459</b>	<b>8.534.841.454.011</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>158.853.137.510</b>	<b>137.577.814.111</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>158.853.137.510</b>	<b>137.577.814.111</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	57.854.569.559	52.822.856.630
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.674.316.526	2.431.839.410
314	3. Phải trả người lao động		33.576.452.800	26.076.807.200
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	393.552.000	192.753.000
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		53.424.117.533	51.739.459.859
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	919.713.477	1.453.542.125
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.010.415.615	2.860.555.887
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>8.381.563.170.949</b>	<b>8.397.263.639.900</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>8.381.563.170.949</b>	<b>8.397.263.639.900</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		8.376.854.515.945	8.377.706.200.556
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		753.891.519	753.891.519
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.954.763.485	18.803.547.825
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.954.763.485	18.803.547.825
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.540.416.308.459</b>	<b>8.534.841.454.011</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Hiền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Kim Quý

Tổng Giám đốc



Trần Quang Hùng

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Năm 2025*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	179.074.662.741	145.787.128.517
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		179.074.662.741	145.787.128.517
11	4. Giá vốn hàng bán	15	150.376.024.419	113.695.570.846
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.698.638.322	32.091.557.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	2.131.022.906	182.315.415
22	7. Chi phí tài chính	17	-	9.014.795
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	20.707.287.199	24.432.895.516
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.122.374.029	7.831.962.775
31	11. Thu nhập khác	19	114.000.000	3.435
32	12. Chi phí khác	20	22.098.160	2.280.460.608
40	13. Lợi nhuận khác		91.901.840	(2.280.457.173)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.214.275.869	5.551.505.602
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	2.062.960.634	1.566.393.242
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>8.151.315.235</b>	<b>3.985.112.360</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Hiền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Kim Quý

Tổng Giám đốc



Trần Quang Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.214.275.869	5.551.505.602
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.869.378.968	6.698.960.465
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.245.022.906)	(182.315.415)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(11.229.473.887)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.838.631.931	838.676.765
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		47.762.347.612	(8.213.439.221)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		77.118.897	(173.726.549)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.881.425.802	69.198.492.673
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.500.000.000)	(3.041.956.287)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.500.000.000	6.442.619.250
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.968.693.661)	(8.820.340.235)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		74.590.830.581	56.230.326.396
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.212.741.819)	(1.442.465.856.370)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		114.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.131.022.906	182.315.415
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		32.281.087	(1.442.283.540.955)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.442.465.856.370
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(851.684.611)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.848.784.340)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.700.468.951)	1.442.465.856.370
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		58.922.642.717	56.412.641.811
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		139.730.410.025	83.317.768.214
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	198.653.052.742	139.730.410.025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Kim Quý

Tổng Giám đốc



Trần Quang Hùng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2025*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:** Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Hoạt động tưới, tiêu phục vụ trồng trọt);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Khai thác vật liệu xây dựng);
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Vật tư ngành nước);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Dự án quản lý nước);
- Khai thác thủy sản nội địa (Khai thác thủy sản nước ngọt; nuôi trồng thủy sản biển);
- Đại lý du lịch (Bán các sản phẩm du lịch);
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 không bao gồm số liệu kế toán của Ban quản lý dự án xây dựng công trình thủy lợi trực thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam.

### **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **2.7 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

## 2.8 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được hình thành do ngân sách Nhà nước cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

## 2.11 . Doanh thu

Doanh thu hoạt động công ích là số tiền gắn liền với Ngân sách Nhà Nước cấp đã được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.12 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.13 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.312.190.110	2.389.543.423
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	196.340.862.632	137.340.866.602
	<b><u>198.653.052.742</u></b>	<b><u>139.730.410.025</u></b>

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác dịch vụ thủy lợi TP HCM	3.012.251.814	6.057.602.415
Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	1.400.622.840	1.905.126.804
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	1.753.945.812	4.010.962.860
Công Ty Cổ Phần Nước Thủ Dầu Một	1.436.554.764	1.593.830.196
Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh	-	505.217.023
Trung tâm Quản lý Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Long An	266.913.392	1.237.905.671
Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước	1.457.958.204	1.339.976.844
Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch	1.387.430.468	-
Công ty cổ phần Thủy điện Minh Tân	249.669.213	268.073.766
Công ty cổ phần Phước hoà	673.920.000	691.200.000
Nhà máy nước Tân Hiệp - TCT Cấp Nước Sài Gòn	500.000.000	490.909.091
Các khách hàng khác	527.810.447	696.205.901
	<b><u>12.667.076.954</u></b>	<b><u>18.797.010.571</u></b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	30.601.364	-	36.893.725	-
Tạm ứng	3.303.015	-	258.137.789	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	-	-
Phải thu khác	527.208.169	-	40.251.005.518	-
- <i>Kinh phí hỗ trợ của NSNN</i>	-	-	40.000.000.000	-
- <i>chờ cấp</i>	-	-	-	-
- <i>Phải thu khác</i>	527.208.169	-	251.005.518	-
	<b>576.112.548</b>	<b>-</b>	<b>40.546.037.032</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	89.121.493	-	89.121.493	-
	<b>89.121.493</b>	<b>-</b>	<b>89.121.493</b>	<b>-</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	947.046.691	-	1.024.165.588	-
	<b>947.046.691</b>	<b>-</b>	<b>1.024.165.588</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	8.034.447.329.902	311.782.200.230	32.508.681.473	6.956.937.699	8.385.695.149.304
- Tăng trong năm	-	-	2.212.741.819	-	2.212.741.819
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.116.796.969)	(1.116.796.969)
- Giảm khác	(851.684.611)	-	-	-	(851.684.611)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.033.595.645.291</b>	<b>311.782.200.230</b>	<b>34.721.423.292</b>	<b>5.840.140.730</b>	<b>8.385.939.409.543</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	26.715.973.025	7.318.406.144	17.201.217.726	3.003.143.433	54.238.740.328
- Khấu hao trong năm	2.327.837.796	1.305.837.826	2.604.955.650	630.747.696	6.869.378.968
- Tăng khác	-	-	-	1	1
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.116.796.969)	(1.116.796.969)
- Giảm khác	-	(1)	-	-	(1)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.043.810.821</b>	<b>8.624.243.969</b>	<b>19.806.173.376</b>	<b>2.517.094.161</b>	<b>59.991.322.327</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	8.007.731.356.877	304.463.794.086	15.307.463.747	3.953.794.266	8.331.456.408.976
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.004.551.834.470</b>	<b>303.157.956.261</b>	<b>14.915.249.916</b>	<b>3.323.046.569</b>	<b>8.325.948.087.216</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	739.526.000	739.526.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>739.526.000</b>	<b>739.526.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	739.526.000	739.526.000
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>739.526.000</b>	<b>739.526.000</b>

**9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng
		VND		VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Xây dựng công trình Thuận Hòa	6.714.600.304	6.714.600.304	771.157.000	771.157.000
Công ty TNHH Trương Xuân Liêm	3.807.417.000	3.807.417.000	3.153.350.000	3.153.350.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhất Thành Công	3.550.645.243	3.550.645.243	2.289.228.000	2.289.228.000
Công ty CP Xây dựng Thương mại Thới Bình	2.889.847.000	2.889.847.000	1.910.829.000	1.910.829.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp 289	2.674.546.000	2.674.546.000	2.632.191.000	2.632.191.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp INTEC	2.661.138.000	2.661.138.000	2.334.280.000	2.334.280.000
Công ty TNHH Thiết bị Cơ khí Nam Long	2.639.379.000	2.639.379.000	-	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô	2.430.518.460	2.430.518.460	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng thủy lợi Hà Nội	2.047.836.227	2.047.836.227	-	-
Công ty CP Xây dựng Tân Hoàng Minh	2.003.970.000	2.003.970.000	911.934.000	911.934.000
Công ty CP Xây Dựng Và Thương Mại T&T Hồng Hà	1.976.883.000	1.976.883.000	580.860.000	580.860.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Thắng	1.632.850.000	1.632.850.000	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 14	1.512.477.145	1.512.477.145	223.486.000	223.486.000
Công ty CP Cơ Khí và Xây lắp 276	1.336.527.000	1.336.527.000	1.118.802.000	1.118.802.000
Các đối tượng khác	19.975.935.180	19.975.935.180	36.896.739.630	36.896.739.630
	<b>57.854.569.559</b>	<b>57.854.569.559</b>	<b>52.822.856.630</b>	<b>52.822.856.630</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	621.899.088	-	7.747.281.927	7.125.382.839	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.566.393.242	2.062.960.634	2.500.000.000	-	1.129.353.876
Thuế Thu nhập cá nhân	-	344.187.000	676.829.662	803.984.662	-	217.032.000
Thuế Tài nguyên	-	521.259.168	8.619.907.442	7.813.235.960	-	1.327.930.650
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	187.936.896	187.936.896	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b>621.899.088</b>	<b>2.431.839.410</b>	<b>19.299.916.561</b>	<b>18.435.540.357</b>	<b>-</b>	<b>2.674.316.526</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phí kiểm toán BCTC và kiểm toán BCQT hoàn thành các hạng mục bảo trì và các hạng mục chi khác liên quan đến hợp đồng cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi	393.552.000	192.753.000
	<b>393.552.000</b>	<b>192.753.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**12 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	47.667.800	53.081.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	872.045.677	1.400.460.325
- Công ty TNHH Xây dựng công trình Thuận Hòa	182.069.000	-
- Hồ Thanh Quý	82.145.700	-
- Công ty CP XD Tân Hoàng Minh	79.470.000	103.920.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	528.360.977	1.296.540.325
	<b>919.713.477</b>	<b>1.453.542.125</b>
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>5.993.562.014.501</b>	<b>753.891.519</b>	<b>14.848.784.340</b>	<b>941.678.329.685</b>	<b>6.950.843.020.045</b>
Tăng vốn trong năm trước	2.384.144.186.055	-	-	-	2.384.144.186.055
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	3.985.112.360	-	3.985.112.360
Tăng khác	-	-	2.490.014.028	-	2.490.014.028
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(30.348.875)	-	(30.348.875)
Giảm khác	-	-	(2.490.014.028)	(941.678.329.685)	(944.168.343.713)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>8.377.706.200.556</b>	<b>753.891.519</b>	<b>18.803.547.825</b>	<b>-</b>	<b>8.397.263.639.900</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>8.377.706.200.556</b>	<b>753.891.519</b>	<b>18.803.547.825</b>	<b>-</b>	<b>8.397.263.639.900</b>
Lãi/lỗ trong năm này	-	-	8.151.315.235	-	8.151.315.235
Phân phối lợi nhuận	-	-	(14.848.784.340)	-	(14.848.784.340)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(8.151.315.235)	-	(8.151.315.235)
Giảm khác	(851.684.611)	-	-	-	(851.684.611)
<b>Số dư cuối năm này</b>	<b>8.376.854.515.945</b>	<b>753.891.519</b>	<b>3.954.763.485</b>	<b>-</b>	<b>8.381.563.170.949</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
Vốn đầu tư của nhà nước	8.376.854.515.945	100%	8.377.706.200.556	100%
	<b>8.376.854.515.945</b>	<b>100%</b>	<b>8.377.706.200.556</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

38-C/1  
TY  
HỮU HẠI  
TỰ VÃ  
AN  
P. H. P.**14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động công ích	83.067.796.581	54.812.733.750
Doanh thu khai thác dịch vụ thủy lợi	96.006.866.160	90.974.394.767
	<b>179.074.662.741</b>	<b>145.787.128.517</b>

**15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bộ phận thủy nông	150.376.024.419	113.695.570.846
	<b>150.376.024.419</b>	<b>113.695.570.846</b>

**16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.131.022.906	182.315.415
	<b>2.131.022.906</b>	<b>182.315.415</b>

**17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí tài chính khác	-	9.014.795
	-	<b>9.014.795</b>

**18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.067.639.796	12.759.579.978
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	424.810.643	444.910.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	743.248.179	1.774.555.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.236.383.239	1.232.093.058
Thuế, phí, lệ phí	204.653.864	334.019.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.839.383	2.038.775.687
Chi phí khoản khác	5.944.712.095	5.848.961.519
	<b>20.707.287.199</b>	<b>24.432.895.516</b>

**19 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	114.000.000	-
Thu nhập khác	-	3.435
	<b>114.000.000</b>	<b>3.435</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,  
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**20 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản chậm nộp, phạt hành chính	22.096.585	2.280.460.554
Chi phí khác	1.575	54
	<b>22.098.160</b>	<b>2.280.460.608</b>

**21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.214.275.869	5.551.505.602
Các khoản điều chỉnh tăng	100.527.302	2.280.460.608
- Chi phí không hợp lệ	100.527.302	2.280.460.608
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Các khoản thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	10.314.803.171	7.831.966.210
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.062.960.634</b>	<b>1.566.393.242</b>

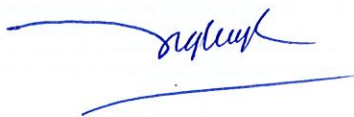
**22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**23 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

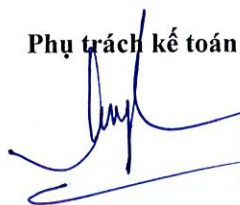
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Kim Quý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Quang Hùng